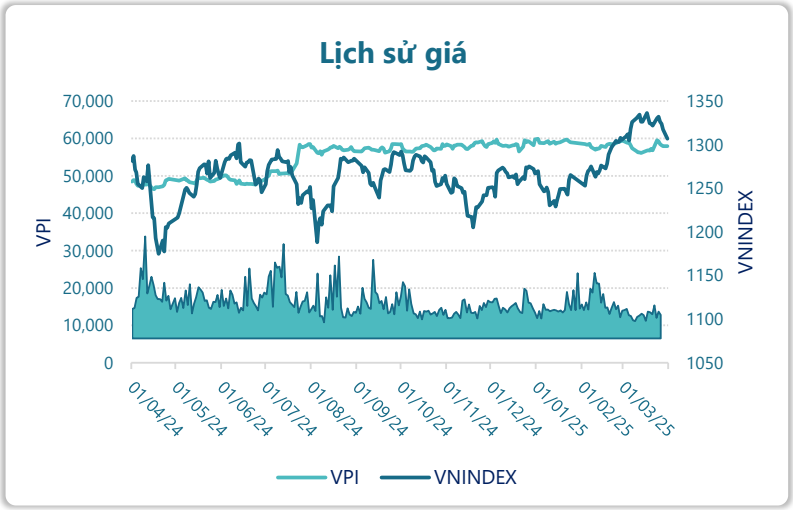
FireAnt

CTCP Đầu tư Văn Phú - Invest (HSX: VPI)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**57,900**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	59,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	46,417
SL cổ phiếu LH	320,049,577
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,977,545
% sở hữu nước ngoài	12.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	18,531
P/E	48.9
EPS	1,184

DT thuần

Q1/25

249

tỷ VNĐ

QoQ: ▼501| -66.8%

YoY: ▲ 122| 95.8%

LN sau thuế

Q1/25

142

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 41.0| 40.8%

YoY: ▲ 72.1| 103%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

27.8%

+/- YoY: ▼ 30.0%

DT thuần

2024

1,897

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 32.0| 1.7%

LN sau thuế

2024

304

tỷ VNĐ

YoY: ▼147| -32.6%

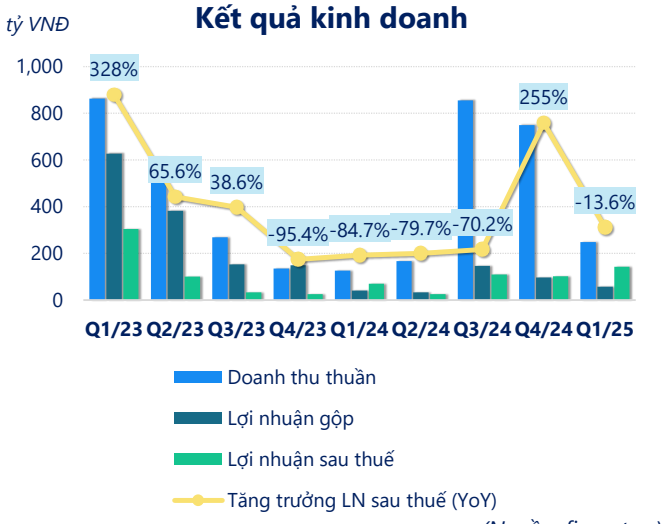
ROE

2024

7.3%

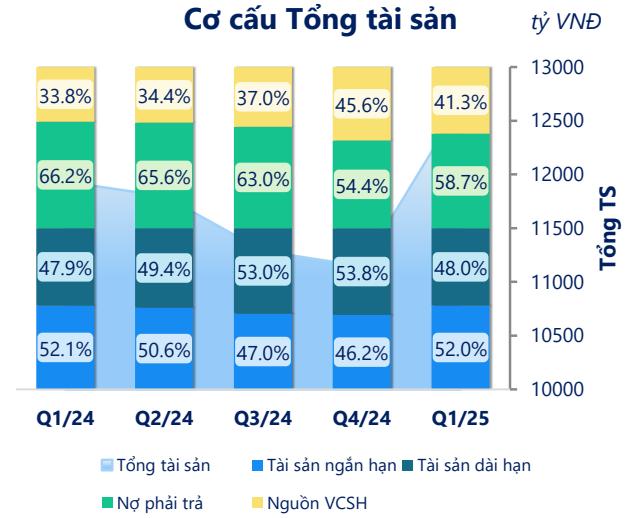
+/- YoY: ▼ 5.6%

Kết quả kinh doanh



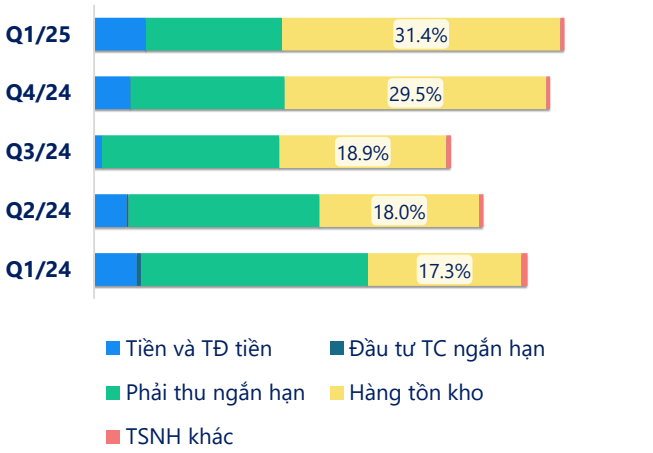
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



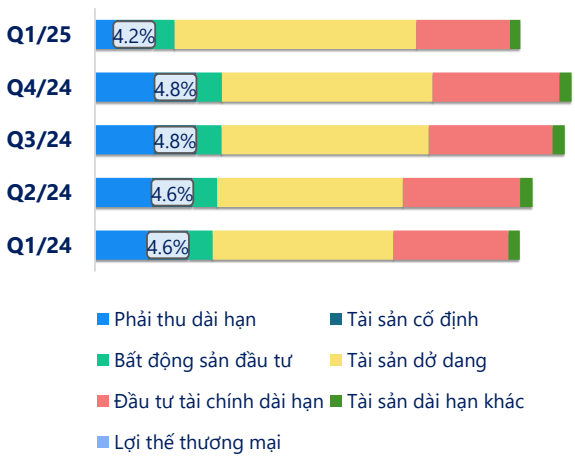
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



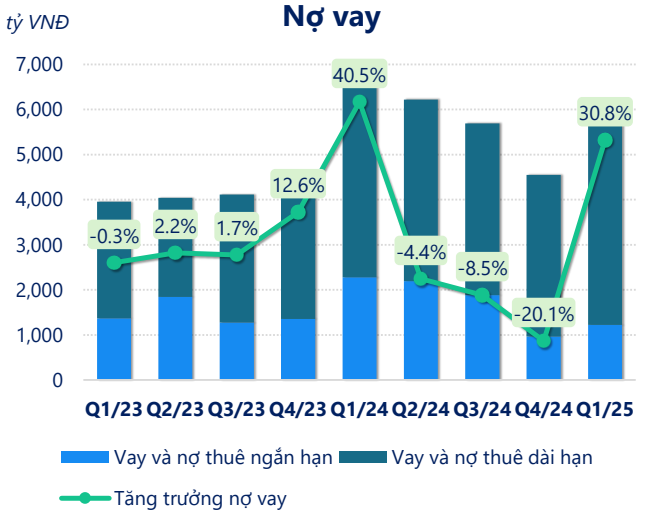
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



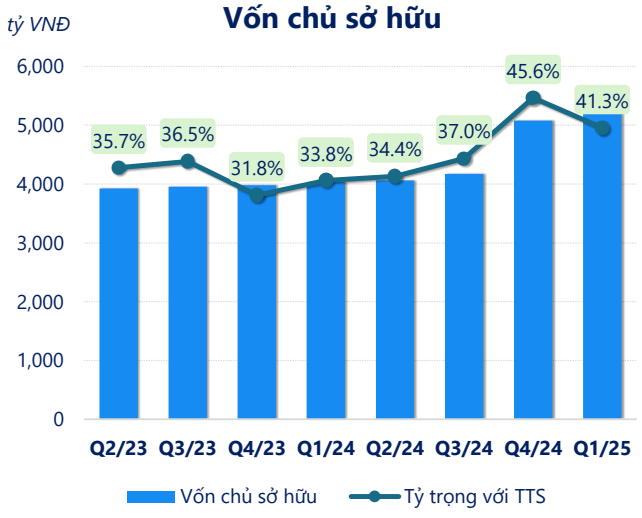
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



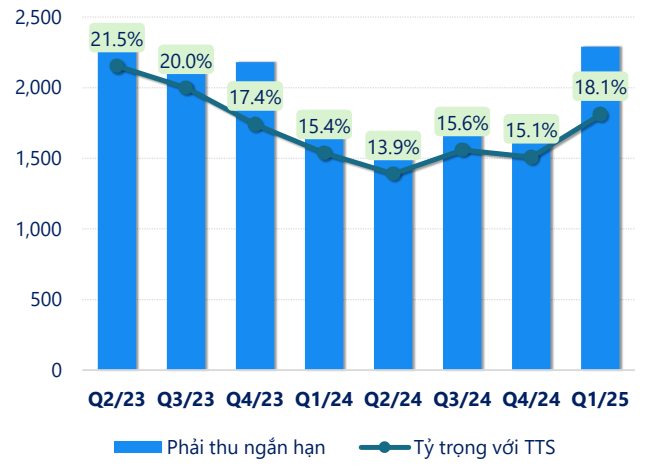
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



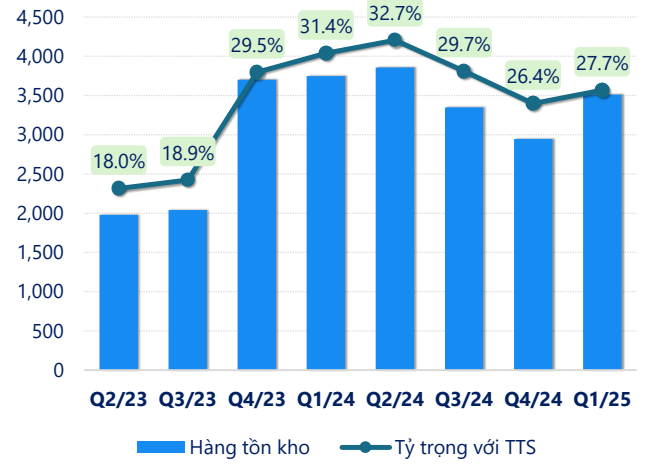
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



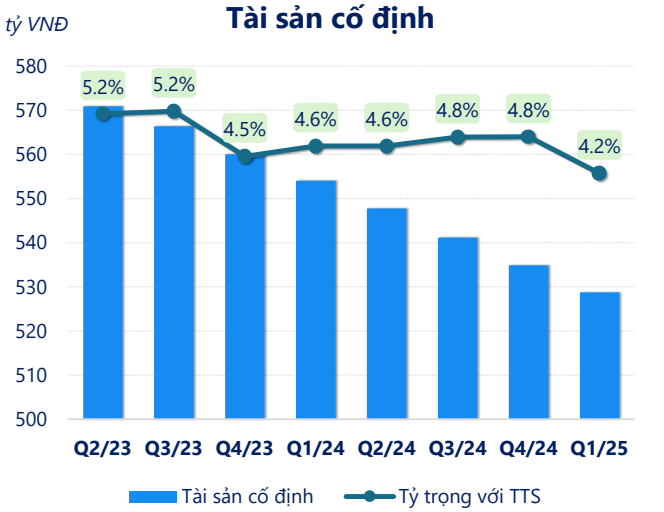
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



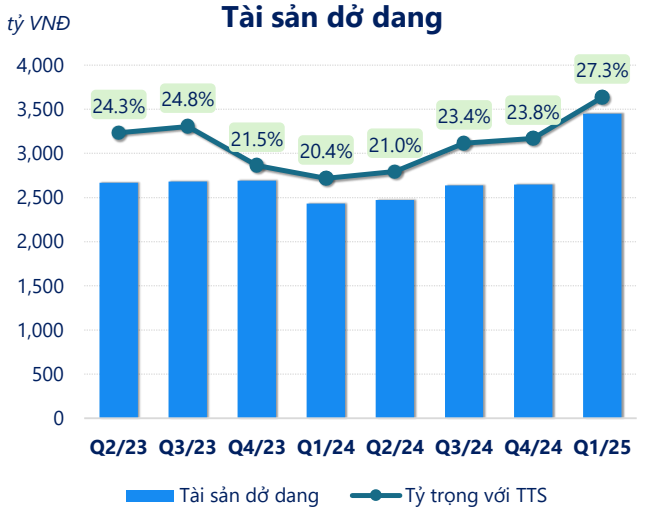
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



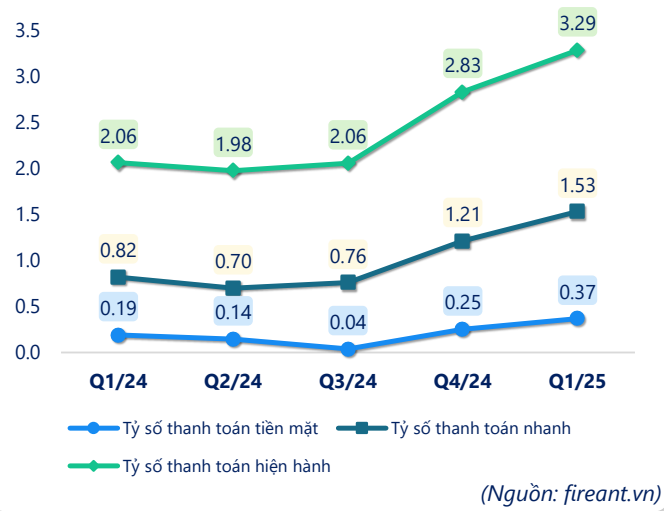
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



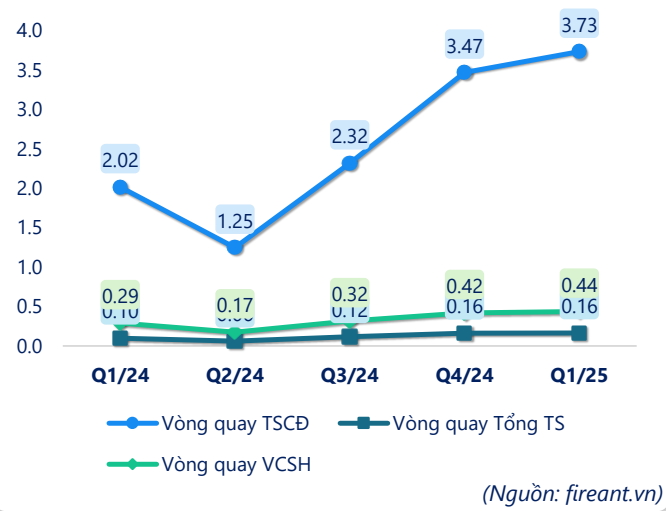
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**11,932**	**11,799**	**11,289**	**11,144**	**12,655**
Tài sản ngắn hạn	**6,212**	**5,973**	**5,303**	**5,152**	**6,581**
Tiền và tương đương tiền	573	435	99.6	457	738
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.10	0.10	55.7	40.5	0.11
Phải thu ngắn hạn	1,836	1,640	1,760	1,680	2,290
Hàng tồn kho	3,747	3,858	3,348	2,946	3,512
Tài sản ngắn hạn khác	56.8	39.4	39.8	28.1	41.0
Tài sản dài hạn	**5,720**	**5,827**	**5,985**	**5,992**	**6,074**
Phải thu dài hạn	706	756	753	745	296
Tài sản cố định	554	548	541	535	529
Bất động sản đầu tư	325	322	319	316	313
Tài sản dở dang	2,432	2,473	2,638	2,649	3,450
Đầu tư tài chính dài hạn	1,553	1,563	1,578	1,594	1,337
Tài sản dài hạn khác	150	165	157	153	149
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**7,896**	**7,737**	**7,115**	**6,067**	**7,430**
Nợ ngắn hạn	**3,013**	**3,024**	**2,578**	**1,818**	**2,003**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,277	2,192	1,884	966	1,220
Phải trả người bán ngắn hạn	69.2	82.0	94.1	103	89.3
Nợ dài hạn	4,883	4,714	4,537	4,249	5,427
Vay và nợ thuê dài hạn	4,225	4,028	3,808	3,582	4,731
Nguồn vốn chủ sở hữu	**4,036**	**4,062**	**4,174**	**5,077**	**5,225**
Vốn chủ sở hữu	**4,036**	**4,062**	**4,174**	**5,077**	**5,225**
Vốn điều lệ	2,420	2,420	2,904	3,200	3,200
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)